

Số: 01/2021/QĐST-DS

Trạm Tấu, ngày 03 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Nơi làm việc: Trường trung học phổ thông bán trú tiểu học và Trung học cơ sở K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ và lãi suất:

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh T số tiền là 42.600.000 (bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng với lãi suất là 1 %/tháng (tương ứng với 12%/ năm), thời điểm tính lãi kể từ ngày 01/3/2021 cho đến khi chị Nguyễn Thị T thanh toán xong số tiền trên.

2.2. Phương thức thanh toán:

Kể từ ngày 01/3/2021 đến 30/6/2021 mỗi tháng chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh T 1.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán ngày cuối cùng của tháng; từ ngày 01/7/2021 trở đi mỗi tháng chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh T 1.500.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm thanh toán; thời hạn thanh toán ngày cuối cùng của tháng, cho đến khi chị Nguyễn Thị T trả xong cho chị Nguyễn Thị Minh T khoản tiền gốc và lãi nêu trên.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị T không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Minh T nhận chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.552.900 (một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm) đồng, theo biên lai số: AA/2017/0008061, ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Trạm Tầu, tỉnh Yên Bái, chị Nguyễn Thị Minh T được hoàn trả số tiền chênh lệch là 1.252.900 (một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn chín trăm) đồng.

- Chị Nguyễn Thị T nhận chịu 765.000 (bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tầu;
- THADS huyện Trạm Tầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Lên